

Số: 123 /QĐ-GDQPAN

Đắk Lắk, ngày 04 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GDQPAN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03/3/2003 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thành lập Trung tâm Giáo dục quốc phòng Tây Nguyên, trực thuộc Trường Đại học Tây Nguyên; Quyết định số 433/QĐ-BGDĐT ngày 15/02/2017 về việc đổi tên Trung tâm Giáo dục quốc phòng Tây Nguyên thành Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 123/2015/TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 05/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định tổ chức, hoạt động của trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh; liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BGD&ĐT ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong Trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGD&ĐT-BLĐTBXH ngày 08/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-ĐHTN ngày 15/08/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

Theo đề nghị của Trường ban Đào tạo, Quản lý sinh viên, Đối tượng bồi dưỡng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh cho 243 sinh viên các lớp khoá 203 thuộc các khoa: Kinh tế, Khoa học tự nhiên & Công nghệ, Ngoại ngữ, Lý luận Chính trị, Y Dược và Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên - Học kỳ I - Năm học 2024-2025. (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh; Trường Đại học Tây Nguyên và những sinh viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Hiệu trưởng;
- Lưu VT, TTGDQPAN. H05.



TS. Nguyễn Thanh Trúc

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ GDQPAN CHO SINH VIÊN K203, TRƯỜNG ĐẠI
HỌC TÂY NGUYÊN, HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024 – 2025**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 123 /QĐ-GDQPAN ngày 01 tháng 10 năm 2024)

Stt	Lớp	Số lượng	Khoa	Ghi chú
1	Kế toán K21B	01	Kinh Tế	Bổ sung
2	Kế toán K23B	01		
3	Công nghệ Thông tin K19	01	KHTN&CN	
4	Kinh doanh Thương mại K20	01	Kinh Tế	
5	Sư phạm Tiếng Anh K23	40	Ngoại ngữ	
6	Ngôn ngữ Anh K23A	61		
7	Ngôn ngữ Anh K23B	54		
8	Triết học K23	01	Lý luận Chính trị	
9	Giáo dục Chính trị K23	17		
10	Điều dưỡng K23	23	Y Dược	
11	Kỹ thuật Xét nghiệm K23	40		
12	Giáo dục thể chất K21	01	Sư phạm	
13	Sư phạm Ngữ Văn K19	02		
TỔNG		243		



TS. Nguyễn Thanh Trúc

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN - K203 - HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 123 ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Giám đốc Trung tâm GDQPAN))

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới	Dân tộc	TBC	XL	Ngành học
1	23403110	Lê Bích	Tiên	21/08/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	8.3	Giỏi	Kế toán
2	21403217	Lê Thị Hải	Ly	13/1/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.1	Khá	Kế toán
3	19103009	Ngô Phan Tiến	Cường	23/11/2001	Đắk Lắk	Nam	Kinh	7.4	Khá	Công nghệ Thông tin
4	23309020	Phan Trà	My	20/10/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	8.5	Giỏi	Điều dưỡng
5	23309058	Đỗ Thị	Hoa	05/03/2005	Đắk Nông	Nữ	Mường	8.3	Giỏi	Điều dưỡng
6	23309051	Lưu Thị Tố	Uyên	07/11/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	8.2	Giỏi	Điều dưỡng
7	23309037	Huỳnh Trần Tấn	Quyền	25/11/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8.1	Giỏi	Điều dưỡng
8	23309031	H' Rìn	Niê	15/02/2005	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	7.9	Khá	Điều dưỡng
9	23309055	Dương Hồng	Ý	16/10/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	7.9	Khá	Điều dưỡng
10	23309056	H'Biê	Bkrông	23/09/2005	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	7.9	Khá	Điều dưỡng
11	23309032	H' Trinh	Niê	14/09/2005	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	7.7	Khá	Điều dưỡng
12	23309005	K' Thị	Đoan	18/06/2005	Bình Thuận	Nữ	Ca-Ho	7.6	Khá	Điều dưỡng
13	23309008	Hoàng Thị Thu	Hằng	08/03/2005	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	7.6	Khá	Điều dưỡng
14	23309044	Mông A	Thiên	22/02/2005	Đắk Lắk	Nam	Nùng	7.6	Khá	Điều dưỡng
15	23309050	Huỳnh Lê Hoàng	Trinh	25/09/2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	7.6	Khá	Điều dưỡng
16	23309006	H- Xina	Êban	28/08/2005	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	7.4	Khá	Điều dưỡng
17	23309012	Siu	Im	06/08/2005	Gia Lai	Nữ	Jrai	7.4	Khá	Điều dưỡng
18	23309048	Lê Thị Thùy	Trang	10/12/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.4	Khá	Điều dưỡng
19	23309062	Kpuih H'	Phôn	12/05/2005	Gia Lai	Nữ	Jrai	7.3	Khá	Điều dưỡng
20	23309023	Đa Cát Hoàng	Ngân	20/10/2004	Đắk Lắk	Nữ	M-Nông	7.1	Khá	Điều dưỡng
21	23309038	Huỳnh Lê Mai	Quỳnh	09/11/2005	Sóc Trăng	Nữ	Kinh	7.0	Khá	Điều dưỡng
22	23309059	Kpă	H' Thuyết	10/01/2005	Gia Lai	Nữ	Jrai	7.0	Khá	Điều dưỡng

23	23309060	H' Hạng	Kbin	02/09/2005	Đắk Lắk	Nữ	M-Nông	7.0	Khá	Điều dưỡng
24	23309027	Hồ Nguyễn Yến	Nhi	07/04/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	6.8	Trung bình	Điều dưỡng
25	23309066	Siu H'	Lan	30/03/2005	Gia Lai	Nữ	Jrai	6.8	Trung bình	Điều dưỡng
26	23309011	Ksor	H'Thùy	21/06/2005	Gia Lai	Nữ	Jrai	6.5	Trung bình	Điều dưỡng
27	23604010	Lê Thanh	Nhấn	21/03/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	8.2	Giỏi	Giáo dục Chính trị
28	23604014	Nguyễn Thị Hồng	Quy	12/01/2005	Đắk Nông	Nữ	Kinh	8.0	Giỏi	Giáo dục Chính trị
29	23604020	Thị H'	Vân	06/07/2004	Đắk Nông	Nữ	M-Nông	7.9	Khá	Giáo dục Chính trị
30	23604011	Nguyễn Thị Yến Nhi	Niê	08/05/2005	Đắk Lắk	Nữ	M-Nông	7.8	Khá	Giáo dục Chính trị
31	23604017	Y	Tin	14/01/2005	Đắk Nông	Nam	M-Nông	7.8	Khá	Giáo dục Chính trị
32	23608015	Trịnh Ayun Minh	Thư	03/07/2005	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	7.7	Khá	Giáo dục Chính trị
33	23604015	Lê Thị Kim	Thảo	20/06/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.6	Khá	Giáo dục Chính trị
34	23604016	Nay H'	Thuong	23/11/2003	Gia Lai	Nữ	Jrai	7.5	Khá	Giáo dục Chính trị
35	23604012	H Trà	Ntor	07/11/2005	Đắk Lắk	Nữ	M-Nông	7.4	Khá	Giáo dục Chính trị
36	23604005	Ksor H	Hông	05/12/2004	Đắk Lắk	Nữ	Jrai	7.3	Khá	Giáo dục Chính trị
37	23604004	H' Duly	H'druế	17/08/2005	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	7.2	Khá	Giáo dục Chính trị
38	23604007	Bàn Mùi	Lai	05/01/2005	Đắk Lắk	Nữ	Dao	7.2	Khá	Giáo dục Chính trị
39	23604006	Y Lâm	Kpă	16/12/2004	Đắk Lắk	Nam	Ê-Đê	7.1	Khá	Giáo dục Chính trị
40	23604018	Võ Nguyễn Phương	Uyên	16/02/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.0	Khá	Giáo dục Chính trị
41	23608025	Trần Đức	Linh	18/07/2005	Đắk Lắk	Nam	Sán Chay	6.8	Trung bình	Giáo dục Chính trị
42	23608010	Hà Huy	Hùng	06/06/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	6.6	Trung bình	Giáo dục Chính trị
43	23608009	Ngô Phúc	Huy	14/06/2002	Đắk Lắk	Nam	Kinh	6.5	Trung bình	Giáo dục Chính trị
44	21605022	Đỗ Thanh	Huy	30/07/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	6.8	Trung bình	Giáo dục thể chất
45	20412032	Nguyễn Hoàng Mai	Phương	08/02/2000	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.8	Trung bình	Kinh doanh Thương mại
46	23311011	Đình Công	Hoán	25/10/2003	Gia Lai	Nam	Ba Na	8.3	Giỏi	Kỹ thuật Xét nghiệm
47	23311044	Vũ Trúc Thủy	Tiên	02/01/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	8.2	Giỏi	Kỹ thuật Xét nghiệm
48	23311010	Phùng Văn	Hậu	23/11/2005	Đắk Lắk	Nam	Nùng	8.1	Giỏi	Kỹ thuật Xét nghiệm
49	23311016	Lưu Gia	Khang	12/09/2005	Đắk Lắk	Nam	Hoa	8.1	Giỏi	Kỹ thuật Xét nghiệm
50	23311023	H La Ra	Mlô	20/11/2004	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	8.0	Giỏi	Kỹ thuật Xét nghiệm

51	23311046	Châu Văn Trọng	Tỉnh	01/11/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	8.0	Giỏi	Kỹ thuật Xét nghiệm
52	23311032	H - Uyên -	Niê	05/02/2004	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	7.9	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
53	23311034	Nguyễn Thị	Phuong	07/09/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.9	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
54	23311042	Trần Lê Minh	Thư	30/10/2005	Khánh Hoà	Nữ	Kinh	7.9	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
55	23311005	Trịnh Hương	Diệu	14/04/2005	Thái Bình	Nữ	Kinh	7.8	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
56	23311008	H-Anh Hà	Êban	09/06/2005	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	7.8	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
57	23311017	Trần Thị Vân	Khánh	27/02/2005	Bình Dương	Nữ	Kinh	7.8	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
58	23311019	Rơ Ô - H'	Leh	04/02/2005	Gia Lai	Nữ	Jrai	7.8	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
59	23311020	Lê Thị Ngọc	Linh	29/11/2005	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	7.8	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
60	23311012	Nguyễn Thị	Huyền	23/05/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.7	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
61	23311014	Rmah H'	Hya	01/09/2005	Gia Lai	Nữ	Jrai	7.7	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
62	23311031	Phạm Thị	Nhung	11/06/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.7	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
63	23311041	Trần Đỗ Anh	Thư	11/10/2005	Đồng Nai	Nữ	Kinh	7.7	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
64	23311045	Phan Huy	Tiếp	20/11/2005	Đắk Nông	Nam	Kinh	7.7	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
65	23311053	Trần Thị Thanh	Tú	18/01/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.7	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
66	23311007	Lương Thị	Điệp	16/12/2005	Đắk Lắk	Nữ	Tày	7.5	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
67	23311051	Trần Anh	Tuấn	13/01/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	7.5	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
68	23311009	Đỗ Hồng Gia	Hân	11/01/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.4	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
69	23311021	Phạm Bảo	Long	06/10/2004	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	7.4	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
70	23311030	Đàng Thị Tiểu	Nhiên	09/02/2004	Ninh Thuận	Nữ	Chăm	7.4	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
71	23311050	Trương Minh	Trí	12/07/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	7.4	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
72	23311052	Nguyễn Tuấn	Tú	05/01/2005	Vũng Tàu	Nam	Mường	7.4	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
73	23311054	Nay H'	Uin	10/06/2004	Gia Lai	Nữ	Jrai	7.4	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
74	23311025	Trương Ngọc Tiểu	My	07/07/2005	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	7.2	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
75	23311026	Lê Trâm Bảo	Ngân	03/10/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.2	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
76	23311033	Vũ Đình	Phúc	16/04/2005	Lâm Đồng	Nam	Kinh	7.2	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
77	23311048	Kpă H	Trâm	19/03/2005	Gia Lai	Nữ	Jrai	7.2	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
78	23311015	Y Luật-	Kbin	25/04/2004	Đắk Lắk	Nam	M-Nông	7.0	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm

79	23311024	Y Ly Đa	Mlô	19/09/2004	Đắk Lắk	Nam	Ê-Đê	7.0	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
80	23311037	Hồ Phương	Thảo	16/03/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.0	Khá	Kỹ thuật Xét nghiệm
81	23311027	Nguyễn Thái Thùy	Ngân	10/12/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.8	Trung bình	Kỹ thuật Xét nghiệm
82	23311035	Đặng Thị Mỹ	Tâm	29/04/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.8	Trung bình	Kỹ thuật Xét nghiệm
83	23311055	Đinh Thị	Vân	01/07/2002	Gia Lai	Nữ	Ba Na	6.7	Trung bình	Kỹ thuật Xét nghiệm
84	23311028	Huỳnh Trần Thảo	Nguyên	04/08/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	6.1	Trung bình	Kỹ thuật Xét nghiệm
85	23311029	Trương Nhật Yến	Nhi	01/12/2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	5.6	Trung bình	Kỹ thuật Xét nghiệm
86	23702059	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	07/01/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	8.0	Giỏi	Ngôn ngữ Anh
87	23702023	Trần Thị Thúy	Diệu	20/06/2005	Nam Định	Nữ	Kinh	7.9	Khá	Ngôn ngữ Anh
88	23702076	Hoàng Thị	Lành	13/09/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.9	Khá	Ngôn ngữ Anh
89	23702031	Võ Thị Xuân	Đào	25/02/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.8	Khá	Ngôn ngữ Anh
90	23702073	H-Djat	Ktla	12/07/2004	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	7.8	Khá	Ngôn ngữ Anh
91	23702078	Lưu Thị Kim	Liên	12/11/2005	Đắk Lắk	Nữ	Nùng	7.8	Khá	Ngôn ngữ Anh
92	23702016	Nguyễn Thị Như	Bình	04/03/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.7	Khá	Ngôn ngữ Anh
93	23702085	Lê Ngọc	Linh	26/06/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.7	Khá	Ngôn ngữ Anh
94	23702028	Nguyễn Phan Trung	Dũng	23/11/2005	Đắk Nông	Nam	Kinh	7.6	Khá	Ngôn ngữ Anh
95	23702003	Nguyễn Trần Trâm	Anh	27/08/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.5	Khá	Ngôn ngữ Anh
96	23702008	Trần Vũ Thị Phương	Anh	30/4/2005	Thái Bình	Nữ	Kinh	7.5	Khá	Ngôn ngữ Anh
97	23702030	Lê Đàm Khánh	Đan	22/05/2004	Đắk Nông	Nữ	Tày	7.5	Khá	Ngôn ngữ Anh
98	23702079	Mai Thị Kim	Liên	25/02/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.5	Khá	Ngôn ngữ Anh
99	23702181	Nguyễn Phước	Thành	21/02/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	7.5	Khá	Ngôn ngữ Anh
100	23702005	Nguyễn Văn Đức	Anh	08/04/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	7.4	Khá	Ngôn ngữ Anh
101	23702047	Võ Ngọc	Hân	07/07/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.4	Khá	Ngôn ngữ Anh
102	23702013	Đặng Danh Quốc	Bảo	24/12/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	7.3	Khá	Ngôn ngữ Anh
103	23702039	Nguyễn Thị Linh	Giang	03/06/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.3	Khá	Ngôn ngữ Anh
104	23702062	Hoàng Thị Thu	Hương	07/05/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.3	Khá	Ngôn ngữ Anh
105	23702077	Bế Ngọc	Lân	13/04/2005	Đắk Lắk	Nam	Tày	7.3	Khá	Ngôn ngữ Anh
106	23702081	Đặng Thị Thùy	Linh	02/08/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.3	Khá	Ngôn ngữ Anh

107	23702034	Lê Vũ Anh	Đức	02/03/2000	Đắk Lắk	Nam	Kinh	7.2	Khá	Ngôn ngữ Anh
108	23702041	Y	Hạ	09/01/2005	Kon Tum	Nữ	Giê-Triêng	7.2	Khá	Ngôn ngữ Anh
109	23702002	Lương Nguyễn Lan	Anh	23/03/2005	Đắk Nông	Nữ	Kinh	7.1	Khá	Ngôn ngữ Anh
110	23702015	Nguyễn An	Bình	26/05/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.1	Khá	Ngôn ngữ Anh
111	23702020	Nguyễn Đức	Công	13/09/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	7.1	Khá	Ngôn ngữ Anh
112	23702052	Phạm Thị Bích	Hiền	10/08/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.1	Khá	Ngôn ngữ Anh
113	23702070	Lê Nguyễn Hạnh	Khuyên	29/07/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.1	Khá	Ngôn ngữ Anh
114	23702084	Hoàng Thị Khánh	Linh	05/10/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	7.1	Khá	Ngôn ngữ Anh
115	23702180	Hồ Thị Thanh	Tâm	12/02/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.1	Khá	Ngôn ngữ Anh
116	23702010	Bùi Nguyễn Ngọc	Ánh	21/08/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.0	Khá	Ngôn ngữ Anh
117	23702021	Lưu Văn	Dậu	11/01/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	Khá	Ngôn ngữ Anh
118	23702027	Võ Khánh	Duyên	01/02/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.0	Khá	Ngôn ngữ Anh
119	23702045	Phạm Hoàng Trúc	Hân	15/09/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.0	Khá	Ngôn ngữ Anh
120	23702072	H' Sa	Kpă	02/01/2005	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	7.0	Khá	Ngôn ngữ Anh
121	23702075	H' Roai -	Kuan	10/01/2005	Đắk Lắk	Nữ	M-Nông	7.0	Khá	Ngôn ngữ Anh
122	23702171	Nguyễn Thị Kim	Anh	15/04/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.0	Khá	Ngôn ngữ Anh
123	23702175	H' Jô Lek	Hdok	28/12/2005	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	7.0	Khá	Ngôn ngữ Anh
124	23702177	H La	Kbuôr	24/08/2005	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	7.0	Khá	Ngôn ngữ Anh
125	23702178	Huỳnh Yến	Như	28/08/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.0	Khá	Ngôn ngữ Anh
126	23702025	Hà Thùy	Duyên	06/04/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.9	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
127	23702053	Nguyễn Huy	Hoàng	08/03/2005	Gia Lai	Nam	Kinh	6.9	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
128	23702055	Nguyễn Khánh	Hoàng	20/05/2005	Bình Định	Nam	Kinh	6.8	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
129	23702061	Phan Thị Diệu	Huyền	18/10/2005	Đắk Nông	Nữ	Kinh	6.8	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
130	23702082	Đỗ Thị Thùy	Linh	28/11/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.8	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
131	23702083	Đỗ Tuyết	Linh	20/03/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.8	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
132	23702057	Vũ Quang	Huy	08/01/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	6.7	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
133	23702066	H Xa Nhia Niê	Kdăm	21/08/2005	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	6.7	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
134	23702011	Phan Thị Hồng	Ánh	25/11/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.6	Trung bình	Ngôn ngữ Anh

135	23702019	Nguyễn Ngọc Đan	Chi	30/08/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.6	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
136	23702029	Trần Hữu Hải	Dương	12/11/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	6.6	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
137	23702004	Nguyễn Tú	Anh	10/12/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.5	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
138	23702001	Hà Lê Ngọc	Anh	15/04/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.4	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
139	23702182	Phan Lâm Anh	Thư	30/11/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	6.4	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
140	23702009	H Rut	Ayũn	05/11/2004	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	6.3	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
141	23702060	Nguyễn Thị Như	Huyền	18/03/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.3	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
142	23702050	Nguyễn Minh	Hiếu	29/07/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	6.2	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
143	23702040	Lê Thị Hải	Hà	03/01/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.1	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
144	23702048	H Yu Luyn	Hdruễ	21/04/2004	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	6.1	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
145	23702022	Phan Lê Kiều	Diễm	20/11/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	5.9	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
146	23702026	Thái Thị Mỹ	Duyên	10/06/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	5.7	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
147	23702110	Nguyễn Hồ Yến	Nhi	25/04/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	8.6	Giỏi	Ngôn ngữ Anh
148	23702088	Đoàn Võ Nam	Long	07/03/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	8.0	Giỏi	Ngôn ngữ Anh
149	23702091	Chu Thị Trúc	Mai	22/07/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	8.0	Giỏi	Ngôn ngữ Anh
150	23702136	Vũ An	Thái	12/04/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	8.0	Giỏi	Ngôn ngữ Anh
151	23702150	Nguyễn Trần Hoài	Thương	19/11/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	8.0	Giỏi	Ngôn ngữ Anh
152	23702149	Triệu Ái	Thư	14/08/2005	Đắk Lắk	Nữ	Dao	7.9	Khá	Ngôn ngữ Anh
153	23702166	Võ Ngọc Thảo	Vy	11/01/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.9	Khá	Ngôn ngữ Anh
154	23702122	H, Vân	Niê	26/07/2005	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	7.8	Khá	Ngôn ngữ Anh
155	23702126	Phạm Quốc	Quang	01/10/2000	Đắk Nông	Nam	Kinh	7.8	Khá	Ngôn ngữ Anh
156	21406192	Đỗ Thị Quỳnh	Trang	12/10/2002	Thừa Thiên - Huế	Nữ	Kinh	7.7	Khá	Ngôn ngữ Anh
157	23403126	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	30/06/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.7	Khá	Ngôn ngữ Anh
158	23702158	Nguyễn Hà Minh	Triệu	28/01/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	7.7	Khá	Ngôn ngữ Anh
159	23702087	Trần Khánh	Linh	16/12/2001	Bình Phước	Nữ	Kinh	7.6	Khá	Ngôn ngữ Anh
160	23702142	Nguyễn Thị Anh	Thơ	23/10/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	7.6	Khá	Ngôn ngữ Anh
161	23702151	Võ Thùy	Tiên	22/11/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.6	Khá	Ngôn ngữ Anh
162	23702160	Cao Thị Mỹ	Uyên	17/11/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.6	Khá	Ngôn ngữ Anh

163	23702165	Nguyễn Thị Kiều	Vy	30/09/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.6	Khá	Ngôn ngữ Anh
164	23702167	Ngô Thị Như	Yến	20/03/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.6	Khá	Ngôn ngữ Anh
165	23702108	Lê Thanh	Nhân	28/07/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.5	Khá	Ngôn ngữ Anh
166	23702138	Lương Phương	Thảo	14/08/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.5	Khá	Ngôn ngữ Anh
167	23702140	Phan Hoàng Phương	Thảo	25/10/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.5	Khá	Ngôn ngữ Anh
168	23702148	Trần Vũ Anh	Thư	15/01/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.4	Khá	Ngôn ngữ Anh
169	23702105	Trương Thị Minh	Nguyệt	21/05/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.3	Khá	Ngôn ngữ Anh
170	23702113	Phạm Thị Ý	Nhi	12/11/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.3	Khá	Ngôn ngữ Anh
171	23702119	H Lan	Niê	21/02/2005	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	7.3	Khá	Ngôn ngữ Anh
172	23702153	Huỳnh Thị Hương	Trang	08/10/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.3	Khá	Ngôn ngữ Anh
173	23702086	Nguyễn Thị Khánh	Linh	20/10/2005	Đắk Nông	Nữ	Kinh	7.2	Khá	Ngôn ngữ Anh
174	23702115	Võ Uyên	Nhi	27/10/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.2	Khá	Ngôn ngữ Anh
175	23702159	Ngô Thị Ánh	Tuyết	25/01/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.2	Khá	Ngôn ngữ Anh
176	23702095	Niê H Yuny	Miô	12/07/2005	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	7.1	Khá	Ngôn ngữ Anh
177	23702127	Đặng Hoàng Như	Quỳnh	04/05/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.1	Khá	Ngôn ngữ Anh
178	23702134	Trương Trọng	Tấn	24/01/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	7.0	Khá	Ngôn ngữ Anh
179	23702157	Trần Thanh	Trâm	28/01/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.0	Khá	Ngôn ngữ Anh
180	23702163	Phan Thị Thuý	Vân	08/09/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	7.0	Khá	Ngôn ngữ Anh
181	23702100	Nguyễn Kim	Ngân	02/01/2005	Đắk Nông	Nữ	Kinh	6.9	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
182	23702161	Lê Thị Ánh	Uyên	09/01/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.9	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
183	23702104	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	29/04/2005	Đắk Nông	Nữ	Kinh	6.8	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
184	23702117	Trần Khánh	Như	08/11/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.8	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
185	23702132	Đỗ Nguyễn Hồng	Son	02/07/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	6.8	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
186	23702135	Đỗ Hoàng	Thái	28/11/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	6.8	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
187	23702049	Đoàn Việt	Hiếu	29/04/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	6.7	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
188	23702093	Trần Khai	Minh	17/06/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	6.7	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
189	23702097	Đặng Thị Hoài	My	09/12/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.7	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
190	23702154	Nguyễn Thu	Trang	01/11/2005	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.7	Trung bình	Ngôn ngữ Anh

191	23702121	H Yuôm	Niê	13/02/2005	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	6.6	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
192	23702141	Lê Gia	Thiên	11/07/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	6.6	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
193	23702156	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	20/01/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.6	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
194	23702120	H Văn	Niê	06/12/2004	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	6.5	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
195	23702124	Đoàn Thị Diệu	Phương	22/01/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.4	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
196	23702116	Phan Lê Quỳnh	Như	28/11/2004	Thừa Thiên-Huế	Nữ	Kinh	6.3	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
197	23702137	Lê Ngọc	Thành	28/08/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	6.3	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
198	23702143	Dương Thị Thanh	Thúy	20/04/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.2	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
199	23702162	Nguyễn Hồng	Văn	22/10/2005	Đắk Nông	Nam	Kinh	6.2	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
200	23702103	Phạm Thị Nhi	Ngọc	11/03/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.1	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
201	19601033	Hoàng Minh	Nhật	14/07/2001	Nam Định	Nam	Kinh	6.7	Trung bình	Sư phạm Ngữ Văn
202	19601056	Vũ Thị Thanh	Loan	26/07/2001	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.9	Trung bình	Sư phạm Ngữ Văn
203	23701001	Lương Thị Bình	An	13/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8.9	Giỏi	Sư phạm Tiếng
204	17101037	Phù Chí	Trí	12/09/1990	Đắk Lắk	Nam	Kinh	8.8	Giỏi	Sư phạm Tiếng
205	23701034	Trần Phan Anh	Quân	19/08/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	8.7	Giỏi	Sư phạm Tiếng
206	23701012	Phạm Thị Thu	Hà	02/01/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	8.6	Giỏi	Sư phạm Tiếng
207	23701033	Chương Đình	Phúc	13/03/2005	Gia Lai	Nam	Kinh	8.6	Giỏi	Sư phạm Tiếng
208	23701031	Lê Thị Yên	Nhi	22/01/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	8.4	Giỏi	Sư phạm Tiếng
209	23701032	Nguyễn Thị Hoàng	Nhi	15/10/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	8.3	Giỏi	Sư phạm Tiếng
210	23701035	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	10/12/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	8.2	Giỏi	Sư phạm Tiếng
211	23701010	Trần Phạm Hữu	Đức	11/05/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	8.1	Giỏi	Sư phạm Tiếng
212	23701003	Lê Thị Phương	Anh	08/10/2005	Đắk Nông	Nữ	Kinh	8.0	Giỏi	Sư phạm Tiếng
213	23701021	Bùi Thanh	Lam	26/08/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	8.0	Giỏi	Sư phạm Tiếng
214	23701011	H' Cúc	Êban	21/05/2005	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	7.9	Khá	Sư phạm Tiếng
215	23701025	Phạm Yên	My	01/05/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.9	Khá	Sư phạm Tiếng
216	23701027	Phạm Thị Thu	Nga	11/01/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.9	Khá	Sư phạm Tiếng
217	23701048	Trần Ngọc Như	Ý	17/08/2005	Bình Phước	Nữ	Kinh	7.9	Khá	Sư phạm Tiếng
218	23701006	H Thu	Ayün	26/04/2005	Đắk Lắk	Nữ	Ê-Đê	7.8	Khá	Sư phạm Tiếng

219	23701016	Trần Huy	Hoàng	24/02/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	7.8	Khá	Sư phạm Tiếng
220	23701017	Lê Thái Khánh	Huyền	17/05/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.8	Khá	Sư phạm Tiếng
221	23701020	Vũ Hoàng Mai	Khanh	27/11/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.8	Khá	Sư phạm Tiếng
222	23701026	Quách Đình Triệu	My	27/09/2005	Đắk Lắk	Nữ	Mường	7.8	Khá	Sư phạm Tiếng
223	23701039	Đinh Thị Huyền	Trang	28/12/2005	Bình Phước	Nữ	Kinh	7.8	Khá	Sư phạm Tiếng
224	23701024	Hoàng Trọng	Mạnh	28/09/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	7.7	Khá	Sư phạm Tiếng
225	23701030	Lê Nguyễn Yến	Nhi	08/01/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	7.7	Khá	Sư phạm Tiếng
226	23701004	Nguyễn Thị Kỳ	Anh	27/02/2005	Bình Phước	Nữ	Kinh	7.6	Khá	Sư phạm Tiếng
227	23701009	Lê Nguyễn Hải	Dương	01/10/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.6	Khá	Sư phạm Tiếng
228	23701041	Trần Anh	Trâm	25/01/2005	Đắk Nông	Nữ	Kinh	7.6	Khá	Sư phạm Tiếng
229	23701045	Lương Nguyễn Mỹ	Vân	02/09/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.6	Khá	Sư phạm Tiếng
230	23701002	Lê Ngọc	Anh	05/03/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.5	Khá	Sư phạm Tiếng
231	23701036	Ka	Thâm	13/07/2005	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	7.4	Khá	Sư phạm Tiếng
232	23701040	Trần Lê Thu	Trang	17/11/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.4	Khá	Sư phạm Tiếng
233	23701029	Lại Bảo	Nguyên	16/12/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.3	Khá	Sư phạm Tiếng
234	23701019	Phùng Thị	Hường	28/10/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.2	Khá	Sư phạm Tiếng
235	23701023	Nguyễn Thành	Long	15/11/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	7.1	Khá	Sư phạm Tiếng
236	23701037	Nguyễn Hà	Thư	28/08/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.1	Khá	Sư phạm Tiếng
237	23701046	Nguyễn Thị Tường	Vy	07/09/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.1	Khá	Sư phạm Tiếng
238	23701038	Mai Thủy	Tiên	15/09/2005	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	7.0	Khá	Sư phạm Tiếng
239	23701028	Phạm Mẫn	Nghi	28/03/2005	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	6.9	Trung bình	Sư phạm Tiếng
240	23701022	Bùi Ngọc	Linh	28/04/2005	Yên Bái	Nữ	Kinh	6.8	Trung bình	Sư phạm Tiếng
241	23701007	Hoàng Thị Sơn	Bình	05/04/2005	Đắk Lắk	Nữ	Tày	6.7	Trung bình	Sư phạm Tiếng
242	23701013	Nguyễn Thúy	Hạnh	26/10/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6.7	Trung bình	Sư phạm Tiếng
243	23608017	Y	Vung	26/08/2004	Kon Tum	Nữ	Rơ Ngao	7.0	Khá	Triết học

Tổng cộng 243 sinh viên được cấp Chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng An ninh